TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2022
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Luận.

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh H vắng mặt (anh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2021, biên bản ghi ý kiến ngày 02/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Võ Thanh H tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1986 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian, do anh H thường hay uống rượu,

không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên chị và anh H đã không sống chung với nhau đến nay hơn một năm. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh H là vợ chồng. Tuy nhiên, nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Quá trình chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Võ Thị Kim Cương, sinh năm 1987, đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh H không có nợ chung.

Tại biên bản làm việc ngày 20/01/2022, bị đơn là anh Võ Thanh H trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân, tài sản chung, con chung. Anh và chị T không còn chung sống với nhau đã hơn 06 tháng. Anh không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ vì còn thương vợ nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì anh không có ý kiến.

Vì lý do sức khỏe và công việc nên anh yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- *Người tiến hành tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Người tham gia tố tụng:*

Chị T là nguyên đơn, quá trình tham gia tố tụng chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Anh H là bị đơn, không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ, nhưng anh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, do vậy, anh H cũng chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T. Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh H.

- Về con chung: Con chung của chị T và anh H là Võ Thị Kim Cương, sinh năm 1987, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn với anh Võ Thanh H. Anh H là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Anh Võ Thanh H là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Anh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh H.

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của chị T nhận thấy: Chị T và anh H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo xác nhận ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thành thì không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa chị T và anh H tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành. Anh H cũng thống nhất với trình bày của chị T về thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân. Do đó, có cơ sở xác định chị T và anh H sống chung với nhau từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch có nêu: *"Đối với trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng."*.

Chị T và anh H chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Thời gian chị T và anh H chung sống là trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nên hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng vợ chồng sống chung thường hay cãi vã do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh H cũng thừa nhận tình trạng mâu thuẫn như chị T trình bày và thừa nhận vợ chồng đã không sống chung với nhau hơn 06 tháng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh H sống và được cung cấp thông tin: anh H thường xuyên say xỉn, không làm chủ được hành vi của mình; anh H và chị T đã không còn sống với nhau từ lâu.

Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị T yêu cầu ly hôn anh H là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Võ Thị Kim Cương, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đề cập vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T và anh H không có nợ chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Võ Thanh H.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Võ Thanh H có một người con chung là Võ Thị Kim Cương, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1987, đã thành niên, tự lao động sinh sống được.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh H không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004605 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét

xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang